

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Bài tập lớn.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 08/11 đến 17/11/2021****Môn học:...Hệ thống SCADA.....****Nhóm: ...01.....****Ngày thi:Đợt 1.....****Giờ thi:.....HK1, 21-22.....****Phòng thi:****Giảng viên giảng dạy: :Nguyễn Lê Nhựt Tuyên.....**

Mã môn học	Stt	Mã sinh viên	Họ tên học viên		Ngày, tháng, năm sinh	Mã lớp	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
228023	1	2119150065	Nguyễn Văn	An	24/09/2001	CCQ1915C	8.3	8.3	8.3	
228023	2	2119150003	Đặng Hồ Ngọc	Bảo	30/08/2001	CCQ1915A	8.5	8.5	8.5	
228023	3	2119150067	Tạ Quốc	Bảo	21/03/2001	CCQ1915C	8.1	8.3	8.2	
228023	4	2119150068	Vô An	Bình	01/03/2001	CCQ1915C	7.6	8	7.8	
228023	5	2119150033	Lê Ngọc	Chiến	03/12/2001	CCQ1915B	8	8	8	
228023	6	2119150006	Nguyễn Mạnh	Cường	20/04/2001	CCQ1915A	8.5	8.8	8.7	
228023	7	2119150007	Nguyễn Thành	Danh	24/01/2001	CCQ1915A	6.3	8	7.3	
228023	8	2119150069	Lê Thanh	Dân	15/08/2001	CCQ1915C	7.9	8	8.1	
228023	9	2119150008	Trần Bá	Đạt	17/08/2001	CCQ1915A	8.3	8	8.1	
228023	10	2119150034	Lê Việt	Đông	05/10/1998	CCQ1915B	8.2	8	8.1	
228023	11	2119150035	Lê Tân	Đông	23/06/2001	CCQ1915B	7	7.5	7.3	
228023	12	2119150011	Nguyễn Hữu	Giang	08/08/2001	CCQ1915A	6.7	7	6.9	
228023	13	2119150037	Nguyễn Thanh	Hải	12/09/2001	CCQ1915B	6	7	6.6	
228023	14	2119150013	Nguyễn Thúy	Hằng	08/08/2000	CCQ1915A	8.2	8.5	8.4	
228023	15	2119150014	Nguyễn Minh	Hiền	28/06/2001	CCQ1915A	8.3	8.5	8.4	
228023	16	2119150015	Trần Thái	Hiệp	25/12/2001	CCQ1915A	8.5	8.5	8.5	
228023	17	2119150038	Lê Mỹ	Hiếu	03/08/2000	CCQ1915B	8.4	8.5	8.5	
228023	18	2119150016	Nguyễn Văn	Hoan	12/09/2001	CCQ1915A	8.2	8	8.1	
228023	19	2119150041	Nguyễn Hồ	Khan	11/03/2001	CCQ1915B	6.3	6.5	6.4	
228023	20	2119150018	Đoàn Bạch	Kim	20/03/2001	CCQ1915A	8.2	8.3	8.3	
228023	21	2119150043	Nguyễn Hoàng	Linh	27/05/2001	CCQ1915B	8.5	8.5	8.5	
228023	22	2119150019	Đặng Thị	Luyến	15/11/2001	CCQ1915A	8.5	8.5	8.5	
228023	23	2119150073	Lê Thanh	Lực	12/09/2001	CCQ1915C	5.2	6.8	6.2	
228023	24	2118060021	Đặng Minh	Mẫn	22/11/2000	CCQ1806A	0	0	0	Vắng
228023	25	2119150046	Trịnh Hoàng	Nam	15/07/2001	CCQ1915B	6.3	6.5	6.4	
228023	26	2119150020	Nguyễn Bá	Nguyên	31/10/2000	CCQ1915A	6.7	8	7.5	
228023	27	2118150048	Trương Khánh	Nguyên	11/07/2000	CCQ1815A	0	0	0	Vắng
228023	28	2119150075	Vũ Trần Phương	Nguyên	03/10/2001	CCQ1915C	8.3	8.3	8.3	
228023	29	2119150076	Nguyễn Hữu Phước	Nhất	26/04/2001	CCQ1915C	8.2	8	8.1	
228023	30	2119150021	Hồ Quang	Nhật	03/04/2001	CCQ1915A	8	8	8	
228023	31	2119050019	Cao Thái	Phi	19/08/2001	CCQ1915C	5.7	7	6.5	
228023	32	2119150078	Lê Tân Thanh	Phong	26/03/2001	CCQ1915C	7.4	7.8	7.6	
228023	33	2119150051	Trần Văn	Phúc	02/06/2001	CCQ1915B	7.3	7	7.1	
228023	34	2119150023	Lê Thanh	Phương	23/10/2000	CCQ1915A	7.7	7.8	7.8	
228023	35	2119150022	Vô Anh	Phương	07/10/2001	CCQ1915A	6.3	8	7.3	
228023	36	2119150052	Trần Như	Quỳnh	10/12/2001	CCQ1915B	8	8	8	
228023	37	2119150024	Lê Tuấn	Thanh	15/10/2000	CCQ1915A	6	7	6.6	
228023	38	2119150054	Huỳnh Tấn	Thành	27/06/2001	CCQ1915B	8	8	8	
228023	39	2119150084	Nguyễn Đức	Thắng	19/03/2001	CCQ1915B	6.6	7	6.8	
228023	40	2119150056	Trần Phúc	Thiện	06/04/2001	CCQ1915B	8.2	7.8	8	
228023	41	2119150057	Nguyễn Văn	Thịnh	14/12/2001	CCQ1915B	8	8	8	
228023	42	2119150058	Hồ Tấn	Thịnh	24/12/2001	CCQ1915B	7.3	7.8	7.6	Trang 2

228023	43	2119150025	Phan Quốc	Thống	02/04/2001	CCQ1915A	8	8	8	
228023	44	2119150026	Nguyễn Thanh	Thuyền	15/05/2001	CCQ1915A	8	8	8	
228023	45	2119150027	Phạm Ngoại	Thương	13/08/2001	CCQ1915A	8.5	8.3	8.4	
228023	46	2119150060	Đỗ Văn	Tiến	25/06/2001	CCQ1915B	8.7	8.5	8.6	
228023	47	2119150059	Trương Minh	Tiến	23/12/2001	CCQ1915B	8.5	8.5	8.5	
228023	48	2119150028	Nguyễn Ngọc	Tín	24/09/2001	CCQ1915A	8	8	8	
228023	49	2119150029	Nguyễn Trung	Tín	22/03/2001	CCQ1915A	6.6	7	6.8	
228023	50	2119140064	Nguyễn Thanh	Toàn	12/02/2001	CCQ1915C	8.3	8.3	8.3	
228023	51	2118150079	Bùi Nguyễn Đức	Trọng	24/03/2000	CCQ1815A	6.7	7.3	7.1	
228023	52	2119150064	Bùi Hoàng	Trung	20/04/2001	CCQ1915B	8	8	8	
228023	53	2119150081	Đỗ Hữu	Trung	24/07/2000	CCQ1915C	6.2	7	6.7	
228023	54	2119150082	Nguyễn Thanh	Tú	29/06/2001	CCQ1915C	7.3	7.8	7.6	
228023	55	2119150083	Bùi Minh	Ty	10/01/2001	CCQ1915C	8	8	8	
228023	56	2119150032	Trần Triệu Quốc Anh	Vương	26/07/1999	CCQ1915A	8.5	8.5	8.5	

Số sinh viên có mặt: 54

Số bài thi: 54

Số sinh viên vắng mặt: 2

Số tờ giấy thi: 54

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú. Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1



Nguyễn Lê Nhựt Tuyên

Cán bộ coi thi 2



Nguyễn Việt Khoa

Cán bộ chấm thi 1



Nguyễn Lê Nhựt Tuyên

Cán bộ chấm thi 2



Nguyễn Việt Khoa